

## THỰC TRẠNG SỰ ĐÁP ỨNG CHUẨN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN GIÁO DỤC CÔNG DÂN HÀ NỘI

Nguyễn Thị Toan\*, Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Thị Xiêm  
*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*

**Tóm tắt.** Trên cơ sở khảo sát thực trạng phẩm chất, năng lực đội ngũ giáo viên môn Giáo dục công dân của Hà Nội, bài viết khẳng định: đội ngũ này đã đáp ứng được những tiêu chuẩn cơ bản theo Khung năng lực của giáo viên Giáo dục công dân. Tuy nhiên, để triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới, giáo viên Giáo dục công dân vẫn còn thiếu hụt nhiều năng lực, đặc biệt là năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để xác định nội dung, phương pháp bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực của đội ngũ này.

**Từ khóa:** giáo viên, giáo dục công dân, thực trạng, phẩm chất, năng lực.

### 1. Mở đầu

Để có một nền giáo dục (GD) tốt, cần phải có đội ngũ giáo viên (GV) tốt. GV là nhân tố hàng đầu quyết định thành công của đổi mới GD. Tuy nhiên, thực trạng đội ngũ GV hiện nay đang có nhiều bất cập về số lượng và chất lượng, về phẩm chất (PC) và năng lực (NL). Khảo sát PC, NL của đội ngũ GV là cơ sở thực tiễn để đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD theo định hướng phát triển NL hiện nay.

Trong thời gian gần đây, để triển khai có hiệu quả chương trình GD phổ thông mới, đã có công trình nghiên cứu về NL đội ngũ GV và thực trạng, giải pháp bồi dưỡng đội ngũ GV phổ thông. Tác giả Phạm Thị Kim Anh trong bài viết *Thực trạng NL đội ngũ GV phổ thông trung học trước yêu cầu đổi mới GD phổ thông*, căn cứ trên các số liệu khảo sát để khẳng định: “NL đội ngũ GV phổ thông đang là vấn đề đáng lo ngại trước yêu cầu đổi mới GD” [1]. Tác giả Lâm Ngọc Ánh, Nguyễn Hồng Hải, Dương Anh Tuấn [2], [3], [4] đã phân tích thực trạng NL đội ngũ GV và vấn đề quản lý hoạt động bồi dưỡng GV ở một cấp, một địa bàn cụ thể. Từ đó, các tác giả đều đi tới khẳng định, từ thực trạng NL đội ngũ GV và yêu cầu của Chương trình GD phổ thông mới, việc bồi dưỡng GV là tất yếu và phải căn cứ trên cơ sở thiếu hụt về NL cũng như nhu cầu tự thân của GV. Tác giả Nguyễn Thanh Thủy trong bài viết *Một số yêu cầu đối với phát triển NL dạy học cho GV trung học phổ thông đáp ứng dạy học chương trình GD phổ thông mới* [5] khẳng định, vấn đề cốt lõi trong phát triển NL GV là xác định nhóm NL thiết thực phục vụ công tác dạy học (DH) hiệu quả và biện pháp tổ chức phát triển NL dạy học cho GV đáp ứng yêu cầu cấp bách cho GV hiện nay. Dưới góc nhìn mang tính phản biện, tác giả Nguyễn Thị Mai Hương trong bài *Đánh giá theo chuẩn NL: những vấn đề cần cân nhắc trong đánh giá GV* đã đưa ra ý kiến tranh luận rằng, việc áp dụng hướng đánh giá theo chuẩn NL là phù hợp với yêu cầu mới của thị trường làm việc Việt Nam. Tuy vậy, việc áp dụng này cần có sự linh hoạt. Bên cạnh hình thức đánh giá theo chuẩn NL, cần cân nhắc thêm những hình thức đánh giá hỗ trợ trong quá

---

Ngày nhận bài: 11/3/2020. Ngày sửa bài: 27/3/2020. Ngày nhận đăng: 10/4/2020.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Toan. Địa chỉ e-mail: [nttoan@daihocthudo.edu.vn](mailto:nttoan@daihocthudo.edu.vn)

trình dạy học, sao cho việc đánh giá cũng góp phần định hướng quá trình học tập của người học để không những phát triển được NL chuyên môn phù hợp với yêu cầu của các trường phổ thông, mà còn nuôi dưỡng được những phẩm chất mang tính nhân văn của người GV mà cách đánh giá theo chuẩn NL có thể gặp khó khăn khi đánh giá [6]

Về NL đội ngũ GV nói chung, GV GDCD nói riêng, đã có một số công trình nghiên cứu bàn tới. Tuy nhiên, cho tới nay, vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào về thực trạng PC, NL đội ngũ GV GDCD trên địa bàn Hà Nội. Trên cơ sở kế thừa thành tựu của những công trình nghiên cứu về NL GV, từ kết quả khảo sát thực trạng NL đội ngũ GV GDCD của Hà Nội, bài viết góp một phần khắc phục khoảng trống này.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

- *Mục tiêu khảo sát:* Nhằm đánh giá chính xác, khách quan thực trạng PC, NL đội ngũ GV GDCD của Hà Nội, làm căn cứ cho hoạt động bồi dưỡng GV theo chương trình GD phổ thông mới.

- *Nội dung khảo sát:* Khảo sát thực trạng PC, NL đội ngũ GV GDCD của Hà Nội hiện nay.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Nhóm nghiên cứu sử dụng hai loại phương pháp thu thập dữ liệu: định lượng và định tính.

*Về phương pháp nghiên cứu định lượng:* Mục đích của phương pháp này nhằm thu thập thông tin về PC, NL đội ngũ GV GDCD Hà Nội, làm căn cứ cho việc xác định nhu cầu, nội dung và phương pháp bồi dưỡng phù hợp với NL và nhu cầu của đội ngũ này. Để tiến hành khảo sát, nhóm nghiên cứu xây dựng 04 bộ công cụ điều tra khảo sát dành cho 04 nhóm đối tượng: GV GDCD và CBQL cấp THCS, GV GDCD và CBQL cấp THPT trên địa bàn Hà Nội. Hệ thống các câu hỏi đóng xoay quanh các vấn đề về phẩm chất, NL của GV GDCD Hà Nội.

*Về phương pháp nghiên cứu định tính:* Để thu thập, kiểm tra làm rõ và bổ sung những thông tin thu được từ bảng hỏi, nhóm nghiên cứu đã tổ chức dự giờ, phỏng vấn, đàm thoại với một số HS, GV GDCD và cán bộ QLGD của Hà Nội.

Các số liệu phản ánh trung thực, khách quan kết quả nghiên cứu.

- *Đối tượng, địa điểm khảo sát:*

Địa điểm Đối tượng	Trường THCS		Trường THPT		Tổng
	Nội thành	Ngoại thành	Nội thành	Ngoại thành	
Cán bộ quản lí	05	15	05	15	40
Giáo viên GDCD	10	30	10	30	80
<b>Tổng số</b>					<b>120</b>

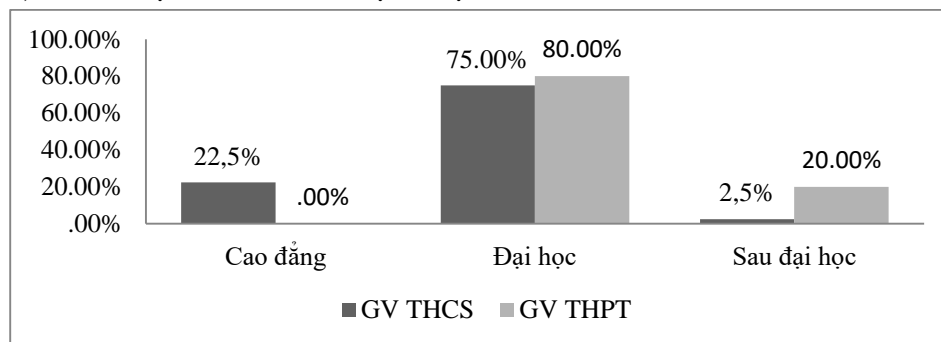
Dựa trên Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông do BGD&ĐT ban hành năm 2018 và đặc thù của GV GDCD, nhóm nghiên cứu xây dựng Khung NL GV GDCD. Việc khảo sát phẩm chất, NL GV GDCD căn cứ vào 5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí đã được xác định trong Khung NL đó.

### 2.2. Kết quả khảo sát

#### 2.2.1. Kết quả khảo sát về sự đáp ứng chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thâm niên nghề nghiệp

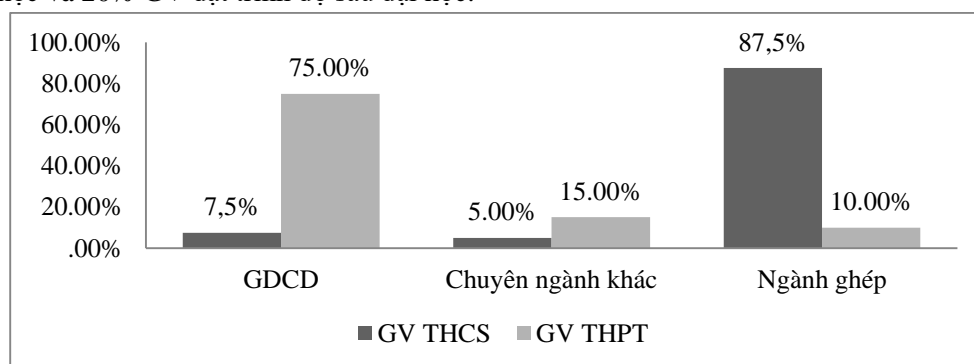
Kết quả từ Biểu đồ 1 cho thấy, có 75%GV GDCD cấp THCS đạt trình độ đại học, 22,5% có trình độ cao đẳng và số GV có trình độ sau đại học chiếm tỉ lệ 2,5%. Theo quy định của Luật

Giáo dục sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2019, trong số 40 GV được khảo sát, có tới 22,5% chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo.



**Biểu đồ 1. Trình độ đào tạo**

So với GV THCS, 100% GV THPT tham gia khảo sát đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo THPT theo quy định của Luật Giáo dục sửa đổi năm 2019. Cụ thể 80% GV có trình độ đại học và 20% GV đạt trình độ sau đại học.

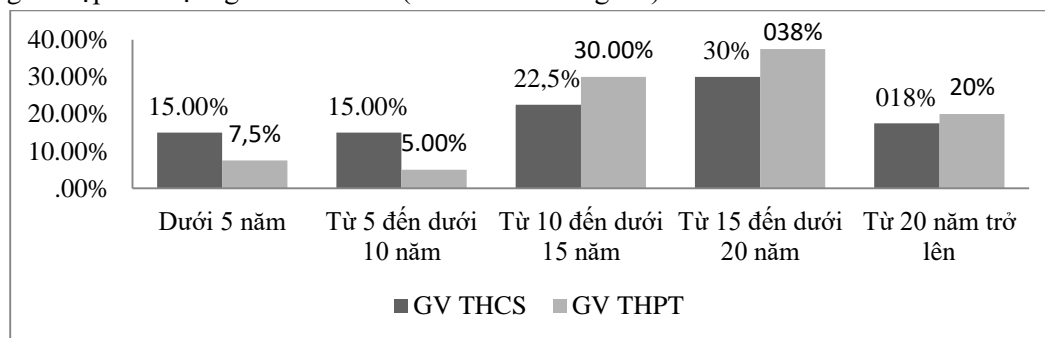


**Biểu đồ 2. Chuyên ngành đào tạo**

Kết quả cho thấy: Ở cấp THCS, chỉ có 7,5% GV được đào tạo đúng chuyên ngành, còn phần lớn GV (87,5%) được đào tạo ghép ngành (30% thời lượng cho môn GDCD và 70% môn học khác như Văn, Sử, Địa). Cá biệt, còn 5% GV dạy GDCD nhưng tốt nghiệp chuyên ngành khác. Đây là nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng không tốt đến chất lượng dạy học môn GDCD.

Ở cấp THPT, 75% GV GDCD được đào tạo đúng chuyên ngành. Tuy nhiên, vẫn có 10% GV thuộc diện đào tạo ngành ghép GDCD và một chuyên ngành khác, 15% GV không được đào tạo đúng chuyên ngành.

Ở cấp THCS, 30% GV đã trực tiếp tham gia giảng dạy từ 15 năm đến dưới 20 năm. Số GV mới gia nhập vào đội ngũ GV GDCD (dưới 5 năm công tác) chỉ chiếm 15%.



**Biểu đồ 3. Thâm niên nghề nghiệp**

Ở cấp THPT, 67,5%. GV GDCD có thâm niên công tác từ 10 năm đến dưới 20 năm. Đội ngũ GV trẻ có dưới 10 năm kinh nghiệm trong dạy học môn GDCD còn có tỉ lệ thấp hơn so với cấp THCS (12,5%). 20% GV có thâm niên giảng dạy từ 20 năm trở lên.

Thâm niên công tác và kinh nghiệm giảng dạy, một mặt là ưu điểm trong việc đảm bảo chất lượng dạy học; mặt khác, cũng là một rào cản trong việc đổi mới phương pháp dạy học cũng như tiếp cận và triển khai chương trình GD phổ thông mới vì tâm lí ngại thay đổi và tiếp cận cái mới.

### 2.2.2. Kết quả khảo sát về sự đáp ứng chuẩn phẩm chất nhà giáo

**Bảng 1. Phẩm chất nhà giáo của GV GDCD cấp THCS**

Tiêu chí / Đối tượng	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Phẩm chất chính trị	0	0	15	85	0	5	10	85
2. Đạo đức nhà giáo	0	0	10	85	0	5	10	85
3. Phong cách nhà giáo	0	0	20	75	5	5	30	60

**Bảng 2. Phẩm chất nhà giáo của GV GDCD cấp THPT**

Tiêu chí / Đối tượng	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Phẩm chất chính trị	0	0	15	85	0	5	10	85
2. Đạo đức nhà giáo	0	5	10	85	0	5	10	85
3. Phong cách nhà giáo	0	5	20	75	0	5	20	75

Phẩm chất nhà giáo, đặc biệt là tiêu chí phẩm chất chính trị của GV GDCD được đánh giá cao nhất trong Khung NL Phần lớn GV GDCD có tinh thần yêu nước, trung thành với chế độ, lập trường tư tưởng vững vàng; Hiểu và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; Có tinh thần trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động vì cộng đồng. Kết quả này là do đặc thù nghề nghiệp quy định. Hiện tại, phần lớn GV GDCD, nhất là GV GDCD cấp THPT được đào tạo từ khoa GDCT của các trường ĐHSPT với quan niệm đồng nhất giữa GDCD và GDCT. Những GV này đã được đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức lí luận chính trị và lí tưởng cách mạng hơn những ngành học khác; mặt khác, sách giáo khoa GDCD hiện hành cũng mang đậm màu sắc chính trị. Trong Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông 2018 không có phẩm chất chính trị. Tuy nhiên, mục tiêu chương trình GDCD 2018 vẫn đòi hỏi GV GDCD cần có phẩm chất này.

- *Đạo đức nhà giáo*: Phần lớn GV hiểu rõ trách nhiệm của nghề giáo và có tinh thần cống hiến cho sự nghiệp GD; Thấu hiểu, yêu thương, tôn trọng HS; Giữ gìn đạo đức, uy tín, lương tâm nhà giáo; Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ: 85% CBQL cho rằng đội ngũ GV GDCD của trường mình đạt mức tốt cho tiêu chí này; 10% CBQL đưa ra đánh giá ở mức khá và chỉ 5% CBQL đưa ra đánh giá ở mức trung bình.

- *Phong cách nhà giáo*: Thể hiện qua trang phục giản dị, gọn gàng, lịch sự; Tác phong nhanh nhẹn, khoa học, tuân thủ nghiêm kỉ luật lao động; thái độ văn minh, lịch sự trong giao tiếp Tiêu chí này được đánh giá ở mức độ thấp hơn hẳn so với hai tiêu chí trên: Ở cấp THCS, chỉ có 60% CBQL đưa ra đánh giá ở mức tốt; 30% ở mức khá, 5% ở mức trung bình và 5% ở mức yếu. Ở cấp THPT, 75% CBQL đánh giá ở mức tốt, 20% khá, 5% trung bình.

Tuy nhiên, qua quan sát và trao đổi trực tiếp với CBQL, GV, chúng tôi nhận thấy, một số GV GDCD còn có biểu hiện mơ hồ về lí tưởng XHCN, về con đường xây dựng CNXH của đất nước; tác phong làm việc chưa khoa học, còn lè mề, đôi khi tùy tiện trong xử lí tình huống; thiếu chủ động, sáng tạo trong công việc.

### 2.2.3. Kết quả khảo sát về sự đáp ứng chuẩn năng lực nghề nghiệp

NL nghề nghiệp thể hiện qua NL chuyên môn, nghiệp vụ; NL xây dựng môi trường GD; NL phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và XH; NL sử dụng ngoại ngữ, tin học

Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ là NL quan trọng nhất của GV nói chung, GV GDCD nói riêng. Trong NL này có 6 tiêu chí, được xây dựng theo định hướng phát triển PC, NL người học.

**Bảng 3. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV GDCD cấp THCS**

Đối tượng Tiêu chí	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ	0	15	30	55	0	20	30	50
2. Xây dựng kế hoạch DH và GD theo hướng phát triển PC, NL HS	0	10	20	70	0	15	35	50
3. Sử dụng phương pháp DH và GD theo hướng phát triển PC, NL HS	0	10	20	70	0	15	35	50
4. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển PC, NL HS	0	10	20	70	0	15	30	55
5. Tư vấn và hỗ trợ HS	0	20	30	50	0	25	35	40
6. Phát triển chuyên môn bản thân	0	30	45	25	0	30	45	25

**Bảng 4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV GDCD cấp THPT**

Đối tượng Tiêu chí	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ	0	5	20	75	0	5	25	70
2. Xây dựng kế hoạch DH và GD theo hướng phát triển PC, NL HS	0	10	20	70	0	10	25	65
3. Sử dụng phương pháp DH và GD theo hướng phát triển PC, NL HS	0	10	20	70	0	10	25	65
4. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển PC, NL HS	0	10	20	70	0	10	25	65
5. Tư vấn và hỗ trợ HS	0	25	35	40	0	20	40	40
6. Phát triển chuyên môn bản thân	0	30	45	25	0	30	50	20

Kết quả khảo sát cho thấy:

1/ Về tiêu chí 1 (NL nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ): GV GDCD của Hà Nội đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, tỉ lệ GV GDCD cấp THPT đáp ứng tốt tiêu chí này cao hơn GV GDCD cấp THCS. Điều này cũng phù hợp với kết quả khảo sát về trình độ đào tạo GV THPT (75% số GV GDCD cấp THPT tham gia khảo sát đạt chuẩn và trên chuẩn; phần lớn được đào tạo đúng chuyên ngành). Tỉ lệ CBQL đánh giá về NL chuyên môn, nghiệp vụ của GV GDCD thấp hơn so với tỉ lệ tự đánh giá của GV.

2/ Về tiêu chí 2 (NL xây dựng kế hoạch DH và GD), tiêu chí 3 (NL sử dụng phương pháp DH và GD), tiêu chí 4 (NL kiểm tra, đánh giá): Nhóm nghiên cứu nhận được kết quả tương tự nhau. Về cơ bản, GV GDCD đã đáp ứng được những tiêu chí này. Tuy nhiên, CBQL đánh giá NL này ở GV thấp hơn sự tự đánh giá của GV với lí do, xây dựng kế hoạch, sử dụng phương pháp DH, GD, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển PC, NL người học là vấn đề mới và khó đối với GV. Qua quan sát sản phẩm (kế hoạch DH, GD; Đề thi, kiểm tra), dự giờ và trao đổi trực tiếp với GV, chúng tôi thấy nhiều GV còn lúng túng trong việc thiết kế kế hoạch DH, đặc biệt là kế hoạch GD. Việc xác định mục tiêu DH và các hoạt động DH vẫn theo hướng tiếp cận nội dung. Một số GV vẫn xác định nhiệm vụ của mình là DH nên chưa biết thiết kế hoạt động GD. Đề thi, kiểm tra cũng chưa thể hiện rõ hướng tiếp cận NL người học.

Trả lời câu hỏi: “Trong giờ GDCD, thầy cô thường dùng phương pháp dạy học gì?”, một số HS trả lời: “Đa số thầy cô chủ yếu thuyết trình, giảng giải, chỉ trình chiếu, đàm thoại khi có người dự giờ”.

3/ Về tiêu chí 5 (NL tư vấn và hỗ trợ HS): NL của GV GDCD ở tiêu chí này bị đánh giá thấp hơn so với các NL ở các tiêu chí khác. Qua quan sát thực tế, nhóm nghiên cứu nhận thấy, ở nhiều trường phổ thông chưa có GV chuyên trách nhiệm vụ tư vấn, tham vấn học đường nên thường giao nhiệm vụ này cho GV GDCD. Không có chuyên môn và phương pháp nên nhiều GV lúng túng và cảm thấy khó khăn trước nhiệm vụ này khi chỉ biết dựa trên kinh nghiệm để đưa ra những lời khuyên có phần cảm tính, chưa phù hợp với đối tượng HS.

4/ Về tiêu chí 6 (NL phát triển chuyên môn bản thân): Kết quả khảo sát cho thấy, NL nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng GV GDCD chưa thực sự tốt.

**Bảng 5. NL xây dựng môi trường GD của GV GDCD cấp THCS**

Tiêu chí	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Xây dựng văn hóa học đường	0	0	30	70	0	5	25	70
2. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	0	0	30	70	0	5	25	70

**Bảng 6. NL xây dựng môi trường GD của GV GDCD cấp THPT**

Tiêu chí	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Xây dựng văn hóa học đường	0	0	15	85	0	5	15	80
2. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	0	0	20	80	0	5	15	80

Trả lời câu hỏi: “Thầy cô đánh giá như thế nào về NL nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng?”, một số GV trả lời, họ còn yếu về NL này, nguyên nhân là do các trường phổ thông chưa

chú trọng nhiều tới hoạt động nghiên cứu khoa học. Chỉ có một số cán bộ, GV đăng kí danh hiệu Chiến sĩ thi đua, GV giỏi các cấp mới viết sáng kiến kinh nghiệm. Nhiều sáng kiến cũng chỉ là sự sao chép, chưa thực sự mang tính chất của một hoạt động nghiên cứu khoa học. Mặt khác, GV GDCD cũng chưa được đào tạo bài bản về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong các trường sư phạm.

Với phẩm chất nhà giáo được đánh giá cao, GV GDCD được đánh giá là rất tích cực xây dựng môi trường GD, thể hiện trên hai tiêu chí:

1/ *Xây dựng văn hóa nhà trường*: Thực hiện và xây dựng văn hóa ứng xử trong nhà trường, góp phần tạo dựng môi trường GD lành mạnh; Phát huy quyền dân chủ của bản thân, HS và đồng nghiệp, tạo lập được môi trường dân chủ, thân thiện, bình đẳng, khuyến khích sự sáng tạo. Kết quả khảo sát cho thấy, các CBQL cho biết phần lớn giáo viên đáp ứng tốt các tiêu chí trên (chiếm 70% ở cấp THCS, 85% ở cấp THPT).

2/ *Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường*: Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; Phát hiện, phản ánh, ngăn chặn, xử lí kịp thời các trường hợp vi phạm quy định về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường. Với các tiêu chí này, hầu hết các CBQL đưa đánh giá cao đối với đội ngũ GV GDCD của trường mình; trong đó, có tới 70% GV ở THCS và 80% GV ở THPT đạt kết quả đánh giá ở mức tốt. Tuy nhiên, cũng vẫn có 5% số CBQL ở cả hai cấp cho rằng GV GDCD của trường mình chỉ đạt mức trung bình.

**Bảng 7. NL phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và XH của GV GDCD cấp THCS**

Tiêu chí	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của HS và các bên liên quan	0	5	20	75	0	5	25	70
2. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, XH để thực hiện hoạt động GD, DH GDCD cho HS	0	5	25	70	0	5	25	70

**Bảng 8. NL phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và XH của GV GDCD cấp THPT**

Tiêu chí	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của HS và các bên liên quan	0	5	35	60	0	10	45	45
2. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, XH để thực hiện hoạt động GD, DH GDCD cho HS	0	5	30	65	0	10	45	45

So với NL xây dựng môi trường giáo dục, NL phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và XH ở GV GDCD được đánh giá ở mức thấp hơn ở cả hai cấp học, trong đó, NL này ở GV GDCD cấp THPT thấp hơn GV GDCD cấp THCS. Nguyên nhân được giải thích là do GV GDCD ít làm công tác chủ nhiệm lớp hơn các GV khác nên hạn chế tới mức độ thiết lập quan hệ nhà trường – gia đình – XH,

Thực trạng sự đáp ứng của phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên...

**Bảng 9. NL ngoại ngữ, tin học, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong GD, DH của GV GDCD cấp THCS**

Đối tượng Tiêu chí	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
5.1. Sử dụng ngoại ngữ	0	50	35	15	0	80	15	5
5.2. Ứng dụng CNTT, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong GD, DH	0	30	40	25	0	40	40	5

**Bảng 10. NL ngoại ngữ, tin học, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong GD, DH của GV GDCD cấp THPT**

Đối tượng Tiêu chí	Tự đánh giá của GV (%)				Đánh giá của CBQL (%)			
	Yếu	TB	Khá	Tốt	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc	0	40	40	20	0	50	35	15
2. Ứng dụng CNTT, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong GD, DH	0	20	50	30	0	25	50	25

Đây là NL được đánh giá thấp nhất trong 5 PC, NL. Chỉ 5% GV cấp THCS, 15% GV cấp THPT tự đánh giá là có NL tốt trong sử dụng ngoại ngữ, 25% GV cả hai cấp tự đánh giá là có NL tốt trong ứng dụng CNTT để dạy học GDCD. Theo đánh giá của CBQL, có tới 80% GV cấp THCS, 50% GV cấp THPT chỉ đạt mức trung bình về NL sử dụng ngoại ngữ; 40% GV THCS, 25% GV THPT đạt mức trung bình trong ứng dụng công nghệ thông tin vào DH. Qua trao đổi thực tế, có GV khẳng định, kết quả NL sử dụng ngoại ngữ của GV GDCD còn thấp hơn kết quả khảo sát bằng bảng hỏi. Nguyên nhân là do môn học không yêu cầu cao về việc phải sử dụng ngoại ngữ trong dạy học. Những kiến thức, kỹ năng về ngoại ngữ được học trong các trường Sư phạm dân mai một khi ít được sử dụng.

### 2.3. Đánh giá chung

Kết quả khảo sát cho thấy:

\* Về ưu điểm

- Do đặc thù nghề nghiệp, đa số GV GDCD Hà Nội có phẩm chất nhà giáo tốt đẹp. Những hiện tượng tiêu cực trong GV được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng gần đây hầu như không có vụ việc liên quan tới GV GDCD của Hà Nội.

- Về cơ bản, GV GDCD đã biết xây dựng kế hoạch DH. Một số GV có kế hoạch dạy học khoa học, giàu tính sáng tạo. Đa số các GV GDCD đã hiểu và truyền đạt được tới HS những nội dung kiến thức cơ bản, không sai sót. Một số GV đã cập nhật nội dung tri thức mới, tiên tiến vào bài giảng; tích cực đổi mới PPDH, kết hợp PPDH truyền thống và PPDH hiện đại một cách khá nhuần nhuyễn, linh hoạt bằng cả tài năng và tâm huyết của mình. Phần lớn các GV GDCD đều có lòng tự trọng, muốn tự khẳng định mình, có mong muốn được đào tạo, bồi dưỡng có hệ thống để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp GD - ĐT.

- Đa số GV GDCD đã có ý thức và hành động xây dựng môi trường học tập thân thiện, dân chủ trong mỗi giao cảm thầy trò, đồng nghiệp và phụ huynh HS.



Những ưu điểm trên có nguyên nhân từ: 1/ Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ hiện đại đã tạo thuận lợi cho GV nói chung, GV GDCD nói riêng có điều kiện đổi mới PPDH, khiến cho nhiều giờ GDCD sinh động, hấp dẫn hơn. Mặt khác, bối cảnh toàn cầu hóa và sự hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã tạo những cơ hội để GV cập nhật được những thông tin mang tính thời sự vào trong mỗi bài giảng GDCD, giúp cho nhiều giờ học bớt đi tính chất giáo điều, kinh viện, mang hơi thở của cuộc sống nhiều hơn; 2/ Trình độ chuyên môn của giáo viên GDCD ngày càng được nâng cao. Mặc dù vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên GDCD song hiện nay đã có nhiều cơ sở đào tạo mở mã ngành này, cung cấp GV GDCD cho các trường phổ thông, góp phần khắc phục tình trạng sử dụng GV dạy chéo môn Việc sử dụng GV đào tạo đúng chuyên ngành đã góp phần không nhỏ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn này; 3/ Do tầm nhìn của nhà quản lý GD, trực tiếp là lãnh đạo nhà trường. Ở những trường có GV dạy GDCD giỏi, người lãnh đạo cũng có quan tâm tới GV nói chung, giáo viên GDCD nói riêng; 4/ Do sự cố gắng nỗ lực của bản thân giáo viên GDCD. Một số giáo viên GDCD đạt thành tích cao trong công tác đã khẳng định, chất lượng đội ngũ GV trước hết phụ thuộc vào bản thân mỗi GV. Không thụ động chờ đợi, một số giáo viên GDCD đã nỗ lực rèn luyện phẩm chất, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để khẳng định bản thân và vị thế môn GDCD trong nhà trường.

*\* Về hạn chế*

Bên cạnh những ưu điểm trên, đội ngũ GV GDCD Hà Nội còn có những hạn chế cần khắc phục:

- Kiến thức chuyên môn của một số GV GDCD còn sơ sài nên mới chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức tới HS ở mức độ sơ giản, thiếu độ sâu của tri thức chuyên ngành, độ rộng của tri thức liên ngành, độ cao của tri thức tiên tiến; nặng về truyền thụ tri thức lí thuyết, nhẹ phần hướng dẫn thực hành. Một số GV GDCD vẫn sử dụng kiến thức lạc hậu, lỗi thời, những ví dụ lặp đi lặp lại nhiều năm không bổ sung, không thay đổi, khiến cho giờ học trở nên nặng nề, nhàm chán.

- Một số GV GDCD còn chậm đổi mới PPDH, ngại sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học nên vẫn sử dụng phương pháp thuyết trình là chủ yếu. Có GV GDCD chưa bao giờ áp dụng phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp trực quan...

- Một số GV GDCD có tâm lí ngại học để nâng cao trình độ; còn chậm trong việc phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn GD.

- Hầu hết GV còn hạn chế trong NL nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, chưa thể hiện khả năng nhìn nhận, đánh giá một vấn đề chuyên môn hay đề xuất để cải tiến một hoạt động trong thực tiễn giáo dục dưới lăng kính của một người nghiên cứu.

- Một số GV GDCD chưa có ý thức chủ động, tích cực trong tìm hiểu đối tượng và môi trường GD. Một GV GDCD thường phải dạy nhiều lớp, chỉ gặp HS 1 tiết/tuần nên không nhớ mặt, nhớ tên HS. Do đó, mỗi giao cảm thầy trò bị hạn chế, ảnh hưởng không tốt tới chất lượng dạy học và chất lượng GD HS. Việc GD HS cá biệt đạt hiệu quả chưa cao.

- Trình độ ngoại ngữ và khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học của GV GDCD còn yếu. Phần lớn các GV chỉ sử dụng PP, phương tiện dạy học tiên tiến khi hội giảng, còn những giờ học bình thường là dạy chay với bảng đen, phấn trắng và ngôn ngữ thuyết trình kết hợp với đọc chép.

Những hạn chế trên có nguyên nhân từ việc: 1/ Tỷ lệ GV GDCD không được đào tạo đúng chuyên ngành còn khá cao, đặc biệt ở cấp THPT. Trao đổi về những khó khăn trong dạy học GDCD, GV T.H (trường THPT Ba Vì) cho rằng, nội dung môn GDCD khá nặng nề, ngay cả những GV được đào tạo chính quy, đúng chuyên ngành còn khá vất vả trong việc truyền đạt nội dung kiến thức cho HS, thì những GV dạy chéo môn lại càng gặp nhiều khó khăn; 2/ Tâm lí coi môn GDCD là môn phụ dẫn tới việc ít đầu tư cho môn học; 3/ GV GDCD phải tích hợp nhiều nội dung trong bài dạy: phòng chống tội phạm, giáo dục giới tính, bảo vệ môi trường, giáo dục

pháp luật, giáo dục về an toàn giao thông, giáo dục chính sách quốc phòng... Việc đưa quá nhiều nội dung vào môn học khiến HS bị quá tải và GV gặp rất nhiều khó khăn trong dạy học. Vì thế, việc dạy học GDCD nhiều khi mang nặng tính hình thức, thiếu hiệu quả vì thời lượng quá ít; 4/Sự lạc hậu trong chương trình đào tạo GV GDCD của các trường Sư phạm...

### **3. Kết luận**

Để cho việc bồi dưỡng GV không mang tính hình thức, kém hiệu quả, nhóm nghiên cứu đã khảo sát khách quan, khoa học về những PC, NL hiện có của đội ngũ GV GDCD trên địa bàn Hà Nội. Kết quả khảo sát cho thấy, bên cạnh những ưu điểm nổi trội về phẩm chất, đội ngũ này còn có những hạn chế, đặc biệt là NL chuyên môn, nghiệp vụ. Đây là cơ sở để xác định nội dung, phương pháp bồi dưỡng nhằm phát triển NL của đội ngũ này, đáp ứng yêu cầu triển khai có hiệu quả chương trình GD phổ thông mới.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Phạm Thị Kim Anh, 2016. *Thực trạng năng lực đội ngũ giáo viên phổ thông trung học trước yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*. Kỉ yếu hội thảo quốc tế của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 9/12/2016.
- [2] Lâm Thị Ngọc Ánh, 2018. Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp ở các trường Tiểu học quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt, tháng 8/2018, tr.33-38.
- [3] Nguyễn Hồng Hải, 2019. Đánh giá thực trạng quản lý phát triển năng lực sư phạm cho giáo viên ở các trường trung cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, Số 451, kì 1 - 4/2019, tr.10-16, 40.
- [4] Dương Anh Tuấn, 2019. Thực trạng quản lý việc bồi dưỡng GV THCS đạt chuẩn nghề nghiệp ở quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, *Tạp chí Giáo dục*, Số 458/2019, tr11-15,31.
- [5] Nguyễn Thanh Thủy, 2019. Một số yêu cầu đối với phát triển NL dạy học cho GV trung học phổ thông đáp ứng dạy học chương trình GD phổ thông mới, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 01/2019, tr.71-79.
- [6] Nguyễn Thị Mai Hương, 2019. Đánh giá theo chuẩn NL: những vấn đề cần cân nhắc trong đánh giá giáo viên, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 4/2019, tr3-12.
- [7] Nguyễn Văn Y, 2017. Bồi dưỡng NL sư phạm cho GV nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, *Tạp chí Giáo dục*, Số 402/2017, tr.9-11.

#### **ABSTRACT**

##### **The real situation about the conformation to quality and professional competency standards of Civic education teachers in Hanoi**

Nguyen Thi Toan, Nguyen Ngoc Dung and Nguyen Thi Xiem  
*Faculty of Social Sciences and Humanities, Hanoi Metropolitan University*

Based on the survey of current qualities and competencies of Civic education teachers in Hanoi, this article affirms that, the staff has met the basic standards according to the Competency Framework for Civic education teachers. However, to get effective results in implementing the new general education program, teachers of Civic education still need a number of competencies, especially professional competency. The research result is the basis for identifying training content and methods to develop the competencies of this staff.

**Keywords:** teachers, Civic education, situation, qualities, competencies.